

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 1)
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán đầu tư và huy động vốn			
Mã học phần:	71ACCT30112	Số tin chỉ:	2	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71ACCT30112_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có (Tài liệu Giấy)		☐ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.	Trắc nghiệm	50%	10 câu trắc nghiệm	5	ELO 1.1
CLO2	Áp dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán liên	Tự luận	10%	Tự luận - Yêu cầu số	1	ELO 1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
	quan đến kế toán kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.			2		
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu một cách chính xác.	Tự luận	40%	Tự luận – Yêu cầu 1	4	ELO 8.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM): (10 câu x 0,5 điểm/câu)

Câu 01: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 01-C1-a: Ngày 01/1/N, công ty MK quyết định chuyển nhà kho A đang sử dụng sang cho công ty L thuê hoạt động. Biết rằng nhà kho này có nguyên giá là 4.000.000.000đ (trong đó quyền sử dụng đất là 1.000.000.000đ), thời gian sử dụng là 10 năm, đã đưa vào hoạt động được 6 năm. Kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 217 4.000.000.000	B. Nợ TK 211 4.000.000.000
Có TK 211 3.000.000.000	Có TK 217 4.000.000.000
Có TK 213 1.000.000.000	
Và	Và
Nợ TK 2141 1.800.000.000	Nợ TK 2147 1.800.000.000
Có TK 2147 1.800.000.000	Có TK 2141 1.800.000.000

C. Nợ TK 217	4.000.000.000	D. Nợ TK 211	3.000.000.000
Có TK 211	3.000.000.000	Nợ TK 213	1.000.000.000
Có TK 213	1.000.000.000	Có TK 217	4.000.000.000
Và		Và	
Nợ TK 2141	2.400.000.000	Nợ TK 2147	2.400.000.000
Có TK 2147	2.400.000.000	Có TK 2141	2.400.000.000

ANSWER: A

Câu 01-C1-b: Ngày 01/1/N, công ty MK quyết định chuyển nhà kho A đang sử dụng sang cho công ty L thuê hoạt động. Biết rằng nhà kho này có nguyên giá là 4.000.000.000đ (trong đó quyền sử dụng đất là 1.000.000.000đ), thời gian sử dụng là 10 năm, đã đưa vào hoạt động được 7 năm. Kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 217	4.000.000.000	B. Nợ TK 211	4.000.000.000
Có TK 211	3.000.000.000	Có TK 217	4.000.000.000
Có TK 213	1.000.000.000		
Và		Và	
Nợ TK 2141	2.100.000.000	Nợ TK 2147	2.100.000.000
Có TK 2147	2.100.000.000	Có TK 2141	2.100.000.000

C. Nợ TK 217	4.000.000.000	D. Nợ TK 211	3.000.000.000
Có TK 211	3.000.000.000	Nợ TK 213	1.000.000.000
Có TK 213	1.000.000.000	Có TK 217	4.000.000.000
Và		Và	
Nợ TK 2141	2.800.000.000	Nợ TK 2147	2.800.000.000
Có TK 2147	2.800.000.000	Có TK 2141	2.800.000.000

ANSWER: A

Câu 02: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 02-C1-a: Ngày 01/1/N, công ty L trả trước tiền thuê nhà kho tháng 1,2,3 bằng chuyển khoản cho công ty MK, giá thuê chưa thuế là 10.000.000 đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%. Biết kỳ kế toán của công ty MK là quý. Kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 1121 33.000.000 Có TK 5113 30.000.000 Có TK 33311 3.000.000	B. Nợ TK 1121 33.000.000 Có TK 3387 33.000.000
C. Nợ TK 1121 33.000.000 Có TK 5113 33.000.000	D. Nợ TK 1121 33.000.000 Có TK 3387 30.000.000 Có TK 33311 3.000.000

ANSWER: A

Câu 02-C1-b: Ngày 01/1/N, công ty L trả trước tiền thuê nhà kho tháng 1,2,3 bằng chuyển khoản cho công ty MK, giá thuê chưa thuế là 15.000.000 đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%. Biết kỳ kế toán của công ty MK là quý. Kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 1121 49.500.000 Có TK 5113 45.000.000 Có TK 33311 4.500.000	B. Nợ TK 1121 49.500.000 Có TK 3387 49.500.000
C. Nợ TK 1121 49.500.000 Có TK 5113 49.500.000	D. Nợ TK 1121 49.500.000 Có TK 3387 45.000.000 Có TK 33311 4.500.000

ANSWER: A

Câu 03: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 03-C2-a: Phát biểu nào sau đây là **ĐÚNG**:

A. Trường hợp thuê tài sản theo hình thức thuê tài chính kế toán ghi nhận và theo dõi tài sản thuê giống như tài sản cố định thuộc sở hữu công ty

- B.** Trường hợp thuê tài sản theo hình thức thuê tài chính kế toán chỉ cần ghi nhận chi phí thuê vào bộ phận sử dụng khi nhận được hóa đơn do bên cho thuê gửi
- C.** Trường hợp thuê tài sản theo hình thức thuê hoạt động cuối kỳ kế toán phải tiến hành trích khấu hao tài sản thuê
- D.** Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu 03-C2-b: Phát biểu nào sau đây là **SAI**:

- A.** Trường hợp thuê tài sản theo hình thức thuê tài chính kế toán chỉ cần ghi nhận chi phí thuê vào bộ phận sử dụng khi nhận được hóa đơn do bên cho thuê gửi
- B.** Trường hợp thuê tài sản theo hình thức thuê tài chính kế toán ghi nhận và theo dõi tài sản thuê giống như tài sản cố định thuộc sở hữu công ty
- C.** Trường hợp thuê tài sản theo hình thức thuê hoạt động cuối kỳ kế toán không tiến hành trích khấu hao tài sản thuê
- D.** Trường hợp thuê tài sản theo hình thức thuê tài chính cuối kỳ kế toán phải tiến hành trích khấu hao tài sản thuê

ANSWER: A

Câu 04: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 04-C2-a: Ngày 15/04/N, công ty MK nhận một máy đóng gói sản phẩm sử dụng tại phân xưởng theo hình thức thuê tài chính trong vòng 6 năm, tiền thuê trả định kỳ vào cuối mỗi năm là 60.000.000đ/năm, lãi suất ghi trên hợp đồng là 10%/năm, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 262.000.000 đ. Công ty MK tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tiền thuế GTGT của tài sản thuê được công ty MK trả ngay bằng chuyển khoản là 26.200.000đ. Ngày 15/04/N, kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 212 261.315.642 Có TK 3412 261.315.642 Và Nợ TK 1332 26.200.000 Có TK 1121 26.200.000	B. Nợ TK 212 262.000.000 Có TK 3412 262.000.000 Và Nợ TK 1332 26.200.000 Có TK 1121 26.200.000
C. Nợ TK 212 262.000.000	D. Nợ TK 212 261.315.642

Có TK 3412	262.000.000	Có TK 3412	261.315.642
Và		Và	
Nợ TK 212	26.200.000	Nợ TK 212	26.200.000
Có TK 1121	26.200.000	Có TK 1121	26.200.000

ANSWER: A

Câu 04-C2-b: Ngày 15/04/N, công ty MK nhận một máy đóng gói sản phẩm sử dụng tại phân xưởng theo hình thức thuê tài chính trong vòng 6 năm, tiền thuê trả định kỳ vào cuối mỗi năm là 60.000.000đ/năm, lãi suất ghi trên hợp đồng là 10%/năm, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 260.000.000 đ. Công ty MK tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tiền thuế GTGT của tài sản thuê được công ty MK trả ngay bằng chuyển khoản là 26.000.000đ. Ngày 15/04/N, kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 212	260.000.000	Có	B. Nợ TK 212	261.315.642
TK 3412	260.000.000		Có TK 3412	261.315.642
Và			Và	
Nợ TK 1332	26.000.000		Nợ TK 1332	26.000.000
Có TK 1121	26.000.000		Có TK 1121	26.000.000

C. Nợ TK 212	260.000.000		D. Nợ TK 212	261.315.642
Có TK 3412	260.000.000		Có TK 3412	261.315.642
Và			Và	
Nợ TK 212	26.000.000		Nợ TK 212	26.000.000
Có TK 1121	26.000.000		Có TK 1121	26.000.000

ANSWER: A

Câu 05: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 05-C3-a: Công ty MK mua 3.000.000 cổ phiếu công ty T với giá mua 50.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp, chi phí giao dịch 2% trên giá mua, tất cả thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi hoàn tất giao dịch tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty MK trong công ty T là 65% và công ty có quyền kiểm soát đối với công ty T. Kế toán công ty MK ghi nhận khoản đầu tư này vào:

A. TK 221

B. TK 1211

C. TK 222

D. TK 228

ANSWER: A

Câu 05-C3-b: Công ty MK mua 600.000 cổ phiếu công ty T với giá mua 50.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp, chi phí giao dịch 2% trên giá mua, tất cả thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi hoàn tất giao dịch tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty MK trong công ty T là 35% và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty T. Kế toán công ty MK ghi nhận khoản đầu tư này vào:

A. TK 222

B. TK 1211

C. TK 221

D. TK 228

ANSWER: A

Câu 06: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 06-C3-a: Ngày 01/01/N, công ty MK chuyển khoản tiền gửi ngân hàng mua 1.000 tờ trái phiếu do công ty B phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, kỳ hạn 24 tháng, giá mua 1.300.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ, lãi suất 5%/năm trả hết 1 lần ngay khi mua. Ngày 31/1/N, kế toán công ty MK ghi nhận bút toán điều chỉnh như thế nào, biết rằng kỳ kế toán là tháng.

A. Nợ TK 3387 4.166.667 Có TK 515 4.166.667	B. Nợ TK 1212 1.300.000.000 Có TK 3387 50.000.000 Có TK 1121 1.250.000.000
C. Nợ TK 1282 1.300.000.000 Có TK 3387 100.000.000 Có TK 1121 1.200.000.000	D. Nợ TK 3387 2.083.333 Có TK 515 2.083.333

ANSWER: A

Câu 06-C3-b: Ngày 01/01/N, công ty MK chuyển khoản tiền gửi ngân hàng mua 1.000 tờ trái phiếu do công ty B phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, kỳ hạn 24

tháng, giá mua 1.300.000/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ, lãi suất 5%/năm trả hết 1 lần ngay khi mua. Ngày 01/1/N, kế toán công ty MK ghi nhận bút toán tại ngày mua như thế nào, biết rằng kỳ kế toán là tháng.

A. Nợ TK 1282 1.300.000.000	B. Nợ TK 1212 1.300.000.000
Có TK 3387 100.000.000	Có TK 3387 50.000.000
Có TK 1121 1.200.000.000	Có TK 1121 1.250.000.000
C. Nợ TK 3387 4.166.667	D. Nợ TK 3387 2.083.333
Có TK 515 4.166.667	Có TK 515 2.083.333

ANSWER: A

Câu 07: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 07-C4-a: Trường hợp khi trích lập chi phí dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp, kế toán ghi nhận khoản dự phòng vào:

- A. TK 642
- B. TK 627
- C. TK 635
- D. TK 641

ANSWER: A

Câu 07-C4-b: Công ty kinh doanh mặt hàng linh kiện, điện tử, trường hợp khi lập dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa kế toán ghi nhận khoản dự phòng vào:

- A. TK 641
- B. TK 627
- C. TK 642
- D. TK 811

ANSWER: A

Câu 08: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 08-C4-a: Ngày 01/06/N, công ty A phát hành 1.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 1.300.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 6%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí phát hành là

2.000.000đ trả bằng tiền mặt, không được vốn hóa, không phân bổ dần. Kỳ kế toán là năm, ngày 01/06/N, kế toán công ty A ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 1121 1.300.000.000 Có TK 34311 1.000.000.000 Có TK 34313 300.000.000 Và: Nợ TK 635 2.000.000 Có TK 1111 2.000.000	B. Nợ TK 1121 1.300.000.000 Có TK 34311 1.000.000.000 Có TK 34312 300.000.000 Và: Nợ TK 627 2.000.000 Có TK 1111 2.000.000
C. Nợ TK 1121 1.300.000.000 Có TK 34311 1.300.000.000 Và: Nợ TK 635 2.000.000 Có TK 1111 2.000.000	D. Nợ TK 1121 1.000.000.000 Có TK 34313 1.000.000.000 Và: Nợ TK 2412 2.000.000 Có TK 1111 2.000.000

ANSWER: A

Câu 08-C4-b: Ngày 01/06/N, công ty A phát hành 1.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 800.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 5,5%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí phát hành là 3.000.000đ trả bằng tiền mặt, không được vốn hóa, không phân bổ dần. Kỳ kế toán là năm, ngày 01/06/N, kế toán công ty A ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 1121 800.000.000 Nợ TK 34312 200.000.000 Có TK 34311 1.000.000.000 Và: Nợ TK 635 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000	B. Nợ TK 1121 800.000.000 Nợ TK 34313 200.000.000 Có TK 34311 1.000.000.000 Và: Nợ TK 627 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000
C. Nợ TK 1121 800.000.000 Có TK 34311 800.000.000 Và: Nợ TK 635 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000	D. Nợ TK 1121 1.000.000.000 Có TK 34312 1.000.000.000 Và: Nợ TK 2412 3.000.000 Có TK 1111 3.000.000

ANSWER: A

Câu 09: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 09-C5-a: Công ty có lợi nhuận phân bổ cho cổ đông là 1.900.000.000đ, trong đó lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi là 600.000.000đ, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 60.000.000đ, số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản là 20.000 cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông là:

- A. 62.000
- B. 95.000
- C. 30.000
- D. 27.000

ANSWER: A

Câu 09-C5-b: Công ty có lợi nhuận phân bổ cho cổ đông là 1.900.000.000đ, trong đó lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 600.000.000đ, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 60.000.000đ, số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản là 20.000 cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông là:

- A. 27.000
- B. 95.000
- C. 30.000
- D. 62.000

ANSWER: A

Câu 10: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 10-C5-a: Trường hợp công ty cổ phần phát hành cổ phiếu thường có phát sinh chi phí phát hành cổ phiếu, kế toán ghi nhận khoản chi phí này vào tài khoản nào sau đây:

- A. Thặng dư vốn cổ phần
- B. Chi phí tài chính
- C. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- D. Chi phí bán hàng

ANSWER: A

Câu 10-C5-b: Trường hợp công ty cổ phần phát hành cổ phiếu thường có phát sinh chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, kế toán ghi nhận khoản chênh lệch này vào tài khoản nào sau đây:

- A.** Thặng dư vốn cổ phần
- B.** Chi phí tài chính
- C.** Chi phí quản lý doanh nghiệp
- D.** Chi phí bán hàng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (5,0 ĐIỂM)

Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

Công ty cổ phần AHK có kỳ kế toán là quý, kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ, trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng.

Số dư ngày 01/01/N của một số tài khoản như sau:

- TK 217_B (Căn hộ B): 2.000.000.000đ, thời gian trích khấu hao 10 năm
- TK 2147_B (Căn hộ B): 800.000.000đ, đã khấu hao được 4 năm
- TK 41111: 5.000.000.000đ (500.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dư Nợ): 100.000.000đ
- TK 419: 120.000.000đ (10.000 cổ phiếu)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 01/N như sau:

1.a.1. Ngày 01/01, công ty thuê tài chính 1 máy bán hàng tự động, thời gian thuê 6 năm, tiền thuê trả vào đầu mỗi năm (ngày 01/01) là 60.000.000đ, lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 8%, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 300.000.000đ. Cùng ngày công ty đã chuyển khoản thanh toán tiền thuê năm đầu tiên, đã nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng. **(1,0 điểm)**

1.a.2. Ngày 31/01, kế toán công ty AHK xuất hóa đơn kèm thư yêu cầu thanh toán gửi khách hàng H yêu cầu thanh toán tiền thuê tháng 01/N của căn hộ B với tổng số tiền chưa thuế GTGT là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%. **(0,5 điểm)**

1.a.3. Ngày 01/02, hết thời hạn cho thuê căn hộ B, công ty quyết định sử dụng căn hộ B để làm cửa hàng trưng bày sản phẩm **(0,75 điểm)**

1.a.4. Ngày 01/03, công ty phát hành 1.500 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.600.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần. Chi phí phát hành trái phiếu và chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa. Chi phí phát hành trái phiếu thanh toán bằng tiền mặt là 5.000.000đ. Chi phí phát hành trái phiếu không phân bổ dần, phụ trội trái phiếu phân bổ theo phương pháp đường thẳng. **(0,75 điểm)**

1.a.5. Ngày 15/03, Căn cứ vào quyết định của Hội đồng cổ đông, công ty tiến hành hủy bỏ 3.000 cổ phiếu quỹ. **(0,5 điểm)**

1.a.6. Ngày 31/03, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ quý 1/N. **(0,5 điểm)**

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty AHK trong quý 1/N. **(4,0 điểm)**

Yêu cầu 2: Hãy xác định a, b, c, d trên bảng Cân đối kế toán vào ngày 31/03/N. **(0,25 x 4 = 1,0 điểm)**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Trích)

Ngày 31/03/N

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		
II. Tài sản cố định	220		
1. Tài sản cố định hữu hình	221		
- Nguyên giá	222		a = ?
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		b = ?
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		
I. Vốn chủ sở hữu	410		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		c = ?
- Cổ phiếu quỹ	415		d = ?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM (5,0 ĐIỂM)

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
II. Tự luận		5,0	
1.a.1.	Ngày 01/01, công ty thuê tài chính 1 máy bán hàng tự động, thời gian thuê 6 năm, tiền thuê trả vào đầu mỗi năm (ngày 01/01) là 60.000.000đ, lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 8%, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 300.000.000đ. Cùng ngày công ty đã chuyển khoản thanh toán tiền thuê năm đầu tiên, đã nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng. (1,0 điểm) PV = 299.562.602đ (0,25đ) PV < Giá trị hợp lý => Nguyên giá tài sản thuê tài chính được tính theo PV Tăng tài sản thuê: (0,25đ) Nợ TK 212 299.562.602 Có TK 3412 299.562.602 Trả tiền thuê năm đầu tiên: (0,5đ) Nợ TK 3412 40.834.992 (60.000.000 - 19.165.008) Nợ TK 635 19.165.008 [(299.562.602 - 60.000.000) x 8%] Có TK 1121 60.000.000	1,0	
1.a.2.	Ngày 31/01, kế toán công ty AHK xuất hóa đơn kèm thư yêu cầu thanh toán gửi khách hàng H yêu cầu thanh toán tiền thuê tháng 01/N của căn hộ B với tổng số tiền chưa thuế GTGT là 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%. (0,5 điểm) Nợ TK 131_H 33.000.000 Có TK 5117 30.000.000 Có TK 333 3.000.000 (30.000.000 x 10%)	0,5	
1.a.3.	Ngày 01/02, hết thời hạn cho thuê căn hộ B, công ty quyết định sử dụng căn hộ B để làm cửa hàng trưng bày sản phẩm (0,75 điểm) Khấu hao căn hộ B từ 01/01 đến 31/01: - Chuyển nguyên giá: (0,25 điểm) Nợ TK 211_B 2.000.000.000 Có TK 217_B 2.000.000.000 - Chuyển HMLK:	0,75	

	Số tiền khấu hao 1 tháng: $2.000.000.000/120 \text{ tháng} = 16.666.667đ$ (0,25 điểm) Nợ TK 2147_B 816.666.667 Có TK 2141_B 816.666.667 (800.000.000 + 16.666.667) (0,25 điểm)		
1.a.4	Ngày 01/03, công ty phát hành 1.500 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.600.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần. Chi phí phát hành trái phiếu và chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa. Chi phí phát hành trái phiếu thanh toán bằng tiền mặt là 5.000.000đ. Chi phí phát hành trái phiếu không phân bổ dần, phụ trội trái phiếu phân bổ theo phương pháp đường thẳng. (0,75 điểm) Giá phát hành > Mệnh giá => Phát hành trái phiếu có phụ trội. - Phát hành trái phiếu thu bằng TGNH: (0,5 điểm) Nợ TK 1121 2.400.000.000 (1.600.000 x 1.500 tờ) Có TK 34311 1.500.000.000 (1.000.000 x 1.500 tờ) Có TK 34313 900.000.000 (2.400.000.000 - 1.500.000.000) - Chi phí phát hành trái phiếu: (0,25 điểm) Nợ TK 635 5.000.000 Có TK 1111 5.000.000	0,75	
1.a.5	Ngày 15/03, Căn cứ vào quyết định của Hội đồng cổ đông, công ty tiến hành hủy bỏ 3.000 cổ phiếu quỹ. (0,5 điểm) Hủy bỏ 3.000 cổ phiếu quỹ (0,5 điểm) Nợ TK 41111 30.000.000 [3.000cp x (5.000.000.000/500.000)] Nợ TK 4112 6.000.000 (36.000.000 - 30.000.000) Có TK 419 36.000.000 [3.000cp x (120.000.000/10.000)]	0,5	
1.a.6.	Ngày 31/03, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ quý 1/N. (0,5 điểm) - Khấu hao từ 1/1 đến 31/1 (0,25đ) Nợ TK 632 16.666.667 Có TK 2147_B 16.666.667 - Khấu hao từ 1/2 đến 31/3 (0,25đ) Nợ TK 641 33.333.333 (2.000.000.000/120 tháng x 2 th) Có TK 2141_B 33.333.333	0,5	

Yêu cầu 2		CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI QUÝ	1,0	
		B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200				
		II. Tài sản cố định	220				
		1. Tài sản cố định hữu hình	221				
		- Nguyên giá	222		a = ?		
		- Giá trị hao mòn lũy kế	223		b = ?		
		D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400				
		I. Vốn chủ sở hữu	410				
		- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		c = ?		
		- Cổ phiếu quỹ	415		d = ?		
<u>Trong đó</u> a, b, c, d được tính như sau: (1,0 điểm) a = 2.000.000.000 (0,25đ) b = 800.000.000đ + 16.666.667 + 33.333.333 = 850.000.000 (0,25đ) c = 5.000.000.000 - 30.000.000 = 4.970.000.000 (0,25đ) d = (120.000.000 - 36.000.000) = (84.000.000) (0,25đ)						Điểm tổng	5,0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Giảng viên ra đề



ThS. Phạm Thị Thu Huyền